

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24-4-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hiệu;

Bà Đặng Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 15/2024/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của bị đơn: Bà Phạm Thị T, Luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 06/02/2024, các lời khai sau đó và trong quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, sống chung vợ chồng từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, số đăng ký kết hôn 26, ngày

09/5/2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn do anh Trần Văn T chơi bời, không quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng tình cảm lạnh nhạt. Chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nuôi dạy con cái nhưng anh Trần Văn T vẫn không thay đổi. Đến tháng 02 năm 2020 thì anh Trần Văn T còn đánh chị. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị là bà Hoàng Thị Thảo sống từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Trần Văn T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trần Thị Thùy L, sinh ngày 16/3/2012 và cháu Trần Anh T, sinh ngày 23/02/2017; các cháu hiện nay đang sống cùng anh Trần Văn T. Khi ly hôn chị yêu cầu anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và chị không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung chị và anh Trần Văn T không vay nợ ai. Chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Chị Trần Thị Đ và anh Trần Văn T có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống hiện nay đã không quan tâm, yêu thương nhau, đã sống ly thân, do đó căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Đ được ly hôn với anh Trần Văn T. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung là cháu Trần Thị Thùy L, sinh ngày 16/3/2012 và cháu Trần Anh T, sinh ngày 23/02/2017 cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành và chị Trần Thị Đ không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không có yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Trần Thị Đ do chị Trần Thị Đ là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/02/2024 anh Trần Văn T trình bày: Khoảng 02 năm nay vợ chồng anh sinh sống mỗi người một nơi, anh cũng không qua đón chị Trần Thị Đ bao giờ do chị Trần Thị Đ không đồng ý, nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị Trần Thị Đ do vậy anh không nhất trí ly hôn. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trần Thị Thùy L, sinh ngày 16/3/2012 và cháu Trần Anh T, sinh ngày 23/02/2017 hiện nay đang sinh sống cùng với anh. Chị Trần Thị Đ yêu cầu anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung đến khi trưởng thành nhưng anh chưa ý kiến gì vì anh chưa nhất trí ly hôn. Về tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, chưa có ý kiến gì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/4/2024 các cháu Trần Thị Thùy L và cháu Trần Anh T đều trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu đều có nguyện vọng sống cùng anh Trần Văn T.

Tại Biên bản làm việc ngày 09/03/2024 với bà Hoàng Thị Thảo là mẹ đẻ của chị Trần Thị Đ cho biết: Chị Trần Thị Đ đã về sinh sống cùng bà từ tháng

02/2020 cho đến nay, chị Trần Thị Đ thường xuyên đi làm công ty thỉnh thoảng mới về nhà bà sinh sống. Trong quá trình sống chị Trần Thị Đ và anh Trần Văn T thường xuyên cãi chửi, đánh nhau, từ khi chị Trần Thị Đ về nhà bà sinh sống cho đến nay không thấy anh Trần Văn T quan tâm và đến đón lần nào. Bà thấy mâu thuẫn giữa chị Trần Thị Đ và anh Trần Văn T trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại Biên bản làm việc ngày 22/03/2024 với trưởng thôn Thôn T, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, ông Trần Văn Hoàng cho biết: Trong quá trình sinh sống chị Trần Thị Đ và anh Trần Văn T phát sinh nhiều mâu thuẫn có đánh chửi lẫn nhau và không cùng sống với nhau. Chị Trần Thị Đ thường xuyên đi làm công ty thỉnh thoảng mới về nhà mẹ đẻ là bà Hoàng Thị Thảo, còn không về nhà sinh sống cùng anh Trần Văn T. Anh Trần Văn T cùng với 02 con cháu Trần Thị Thùy L, sinh ngày 16/3/2012 và cháu Trần Anh T, sinh ngày 23/02/2017 và mẹ của anh Trần Văn T là bà Hoàng Thị Peo đi Quảng Ninh sinh sống cách đây khoảng 01 năm thỉnh thoảng mới về địa phương sinh sống. Khi anh Trần Văn T đưa 02 cháu là Trần Thị Thùy L và Trần Anh T về địa phương sinh sống thì vẫn thấy 02 cháu được chăm sóc đảm bảo và nuôi dưỡng tốt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Về tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng; thực hiện đúng việc thu thập tài liệu chứng cứ, việc tổng đạt văn bản tố tụng được thực hiện hợp lệ, trình tự thụ lý, thời hạn chuẩn bị xét xử và nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử theo Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 93 đến Điều 97, Điều 175, Điều 177, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn đúng quy định của pháp luật (Điều 227, 228);

Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục chuẩn bị khai mạc phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 51, Điều 237 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 75, Điều 76 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Qua đơn khởi kiện, lời khai, lời trình bày của các đương sự, nhận thấy chị Trần Thị Đ và anh Trần Văn T được tự do tìm hiểu, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đến ngày 09/5/2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sànl Viên, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn do anh T chơi bời, không quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng tình cảm lạnh nhạt, thường xuyên cãi

chửi nhau, đánh nhau, chung sống không hạnh phúc. Đến tháng 02/2020 thì anh T đi chơi về, chị Đ nhắc nhở thì bị anh T đánh, chị Đ đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ là Hoàng Thị T tại xã Sần Viên, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn sống từ đó đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Trong thời gian sống ly thân, anh T không sang đón chị Đ lần nào, không có hành Đng thể hiện muốn hàn gắn tình cảm.

Qua xác minh với ông Trần Văn H – Trưởng thôn T, xã S và bà Hoàng Thị T (mẹ đẻ chị Đ) được biết chị Đ và anh T chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, đánh chửi nhau. Chị Đ đi làm công ty thỉnh thoảng về nhà mẹ đẻ, còn anh T đi Quảng Ninh làm ăn cách đây khoảng 01 năm và mang theo 02 con chung đi cùng.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Thị Đ và anh Trần Văn T mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị Đ được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Chị Đ và anh T có 02 con chung là cháu Trần Thị Thùy L, sinh ngày 16/3/2012 và cháu Trần Anh T, sinh ngày 23/02/2017 hiện nay các cháu đang sống cùng anh T tại huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh. Qua lấy lời khai các cháu có nguyện vọng được sống cùng bố nếu bố mẹ ly hôn. Xét thấy, để ổn định môi trường sống và học tập của các cháu tiếp tục giao cháu Trần Thị Thùy L, sinh ngày 16/3/2012 và Trần Anh T, sinh ngày 23/02/2017 cho anh Trần Văn T nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Do vậy căn cứ Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình quyết định giao cháu Trần Thị Thùy L, sinh ngày 16/3/2012 và Trần Anh T, sinh ngày 23/02/2017 cho anh Trần Văn T nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị Trần Thị Đ chưa phải cấp dưỡng do anh Trần Văn T chưa yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị Trần Thị Đ là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là phiên tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn chị Trần Thị Đ vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt và bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt, không có lý do. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử

vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị Đ và Trần Văn T theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết tranh chấp nuôi con khi ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Trần Văn T, cư trú tại thôn T, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Đ và anh Trần Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sần Viên, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26, ngày 09/5/2012, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh Trần Văn T cho rằng vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị Trần Thị Đ, tuy nhiên quá trình ly thân cũng như Tòa án triệu tập đến để giải quyết vụ án anh không đến và không có hành động gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Trần Thị Đ, quá trình xác minh tại địa phương cũng như gia đình thì vợ chồng chị Trần Thị Đ và anh Trần Văn T có mâu thuẫn cãi chửi nhau, đánh nhau và hiện nay không sống cùng nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy chị Trần Thị Đ và anh Trần Văn T đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không còn quan tâm yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị Đ và anh Trần Văn T có 02 con chung là cháu Trần Thị Thùy L, sinh ngày 16/3/2012 và cháu Trần Anh T, sinh ngày 23/02/2017. Chị Trần Thị Đ yêu cầu anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con đủ 18 tuổi và chị không cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Trần Văn T chưa có cố ý kiến gì về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung do anh Trần Văn T chưa nhất trí ly hôn. Xét thấy con chung là cháu Trần Thị Thùy L và cháu Trần Anh T hiện đang sống với anh Trần Văn T, các cháu đều đã đủ 07 tuổi đều có nguyện vọng sống với anh Trần Văn T, các cháu đang sống cùng anh Trần Văn T vẫn được chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ, toàn diện. Do vậy Hội đồng xét xử giao 02 con chung là cháu Trần Thị Thùy L và cháu Trần Anh T cho anh Trần Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và cuộc sống của 02 cháu được ổn định, không bị xáo trộn. Về cấp dưỡng nuôi con chung, do anh Trần Văn T chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Chị Trần Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Đ và anh Trần Văn T xác định vợ chồng không yêu cầu giải quyết về có tài sản chung, không có nợ chung. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Đ được miễn án phí ly hôn sơ thẩm do là người dân tộc thiểu số (dân tộc Nùng), sống tại xã Sàn viên, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét thấy ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Đ được ly hôn với anh Trần Văn T. (*Đăng ký kết hôn số 26, đăng ký ngày 09/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn*).

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần Thị Thùy L, sinh ngày 16/3/2012 và cháu Trần Anh T, sinh ngày 23/02/2017 cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh Trần Văn T chưa yêu cầu. Chị Trần Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Trần Thị Đ thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Đ được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã S, huyện L;
- Các đương sự;
- NBV QLI HP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai